TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 585/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 15/5/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức

2. Bà Đoàn Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05/12/2022 về việc "Tranh chấp xác định cha cho con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 699/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1857/2023/QĐ-PT ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường số K, khu phố K, phường B, thành phố T, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông L Trung L, sinh năm 1960

Địa chỉ: phường B, Quận X, Thành phố H.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1942

Địa chỉ: đường số K, khu phố K, phường B, thành phố T, Thành phố H.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Năm 2008, bà có quen biết ông L Trung L. Đầu năm 2009, ông L mỗi tuần có qua lại nhà bà vài ngày.Thời điểm đó, bà đang sống cùng với mẹ bà là bà Nguyễn Thị C tại địa chỉ 426D đường số 4, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ

Chí Minh. Bà xác định, thời điểm ông L qua lại với bà, bà và ông L chỉ quan hệ tình cảm và bà với ông L không phải vợ chồng. Bà và ông L không có tài sản chung và không cùng sinh sống một nhà với nhau.

Đầu tháng 03/2009, bà có thai với ông L và ngày 13/12/2009 bà sinh con đặt tên là Nguyễn L Trung Kiên (nam), bà lấy họ của bà để làm khai sinh cho con, giấy khai sinh chỉ có tên mẹ, không có tên cha.Sau khi sinh trẻ Kiên, bà và ông L còn qua lại với nhau thêm 12 năm, đến tháng 12/2021 bà và ông L chấm dứt quan hệ.

Bà xác định lúc mới quen ông L, bà không biết ông L đã có gia đình.Hiện nay, ông L không nhìn nhận trẻ Kiên là con nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông L Trung L là cha của trẻ Kiên đồng thời yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Bị đơn ông L Trung L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà là mẹ của bà Nguyễn Thị Ph. Từ năm 2008, ông L Trung L có qua lại với con gái bà và có 01 con chung là trẻ Nguyễn L Trung Kiên năm nay 13 tuổi. Bà tin tưởng ông L không bỏ rơi con, cháu bà vì thời gian trước đây ông L mỗi sáng chủ nhật có qua nhà trọ chở bà Ph và trẻ Kiên đi ăn sáng đồng thời có cấp dưỡng cho bà Ph nuôi trẻ Kiên. Bà mong pháp luật xác định cha con cho trẻ Kiên để trẻ Kiên có tên cha trong giấy khai sinh và ông L đã bỏ con, cháu bà không chu cấp, không thừa nhận con mình.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 699/2022/HNGĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông L Trung L.
2. Về nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật. Ngày 05/10/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Nguyên đơn và là người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ph vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông L Trung L đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về việc kháng cáo của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ph nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức. Ngày 09/01/2023 bà Ph có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và xin xét xử vắng mặt. Ông L Trung L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo việc rút đơn kiện của nguyên đơn cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến trả lời nên không có căn cứ chấp nhận việc rút đơn kiện của nguyên đơn. Về nội dung bà Nguyễn Thị Ph kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm và công nhận yêu cầu khởi kiện của bà nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh trẻ Kiên là con bị đơn; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA Á N:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai

tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271 ; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Bị đơn ông L Trung L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00phút ngày 27/04/2023 nhưng đến hạn xét xử bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa; Tòa án triệu tập lại bị đơn đến tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 15/05/2023 nhưng đến thời hạn xét xử bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn và là người kháng cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Ngày 09/01/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện,rút yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông L Trung L đã được tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không đến tòa án để giải quyết vụ án nên không có ý kiến về việc rút đơn kiện trên của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án chấp nhận việc rút đơn kiện của nguyên đơn nếu bị đơn đồng ý; vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo việc rút đơn kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn cho bị đơn ông L Trung L biết theo Thông báo số 411/TATP-TGĐVNCTN ngày 10/01/2023. Ngày 07/02/2023 Tòa án thực hiện tống đạt Thông báo trên cho bị đơn tại địa chỉ cư trú số 179 (số cũ A40/1 A) khu phố 6, đường Lâm Văn Bền, phường Bình Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không tống đạt được do thời điểm tống đạt bị đơn vắng mặt, vợ của bị đơn cùng cư trú tại đây, từ chối nhận thay văn bản và cho biết bị đơn có hộ khẩu tại địa chỉ nói trên nhưng không cư trú ở đây. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn xác định và cung cấp thông tin địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn cho tòa án để có cơ sở giải quyết vụ án nhưng nguyên đơn không cung cấp được và yêu cầu tòa án vẫn giải quyết đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Bình Thuận, quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/03/2023 thì ông L Trung L, sinh năm 1960, có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số 179 (số cũ A40/1 A) khu phố 6, đường Lâm Văn Bền, phường Bình Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa vào lúc 8h00’ ngày 27/04/2023 và lúc 8h00’ ngày 15/05/2023 nhưng bị đơn vắng mặt, không rõ bị đơn có đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn hay không do đó không có cơ sở chấp nhận việc rút đơn kiện, đình chỉ giải quyết vụ án mặc dù nguyên đơn có đơn rút đơn kiện.

Về nội dung, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông L Trung L là cha của trẻ Nguyễn L Trung Kiên, sinh ngày 13/12/2009 và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng; Đồng thời cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là một số hình ảnh bà Ph, trẻ Kiên chụp chung với ông L Trung L, ngoài ra có lời khai xác nhận của người làm chứng là bà Nguyễn Thị C.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đương sự có yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp;Nếu không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.Xét thấy, hồ sơ thể hiện người làm chứng bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột của nguyên đơn nên lời khai nhận này không đảm bảo tính khách quan, chứng cứ là các hình ảnh chụp chung do bà Ph cung cấp nói trên không đủ cơ sở xác định quan hệ cha con giữa ông L với trẻ Kiên do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph là có căn cứ. Bà Ph kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, công nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, nhưng tại tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Ph, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 91, 147, 148, khoản 3 Điều 296, 299, 306 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 88, Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1.Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph về mặt hình thức.

2.Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 699/2022/HNGĐ-ST ngày 29/09/2022 của Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà Nguyễn Thị Ph phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014905 ngày 14/10/2022 của C cục Thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- C cục THADS quận 7
- TAND quận 7
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương